

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-PT

Ngày: 05/5/2022

V/v: Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện V kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06/4 và ngày 05/5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2021/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện YP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2022/QĐPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh BN, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1972 (có mặt).

Trú tại: Thôn TK, xã ĐT, huyện YP, tỉnh BN.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1982 (có mặt).

Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng trú tại: Thôn TK, xã ĐT, huyện YP, BN.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Đức H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị với vợ chồng anh Nguyễn Đức H, chị Nguyễn Thị Q có quan hệ họ hàng và cũng là hàng xóm với nhau.

Năm 2011, vợ chồng chị Q, anh H có vay tiền của chị V. Do lúc đó gia đình chị Q, anh H làm ăn thua lỗ, vỡ nợ nên chị V có thương hoàn cảnh gia đình nhà chị Q, anh H nên có đồng ý cho vay. Sau khi thỏa thuận, ngày 07/11/2011 chị V cho chị Q, anh H vay tiền và lập thành giấy vay tiền với nội dung sau: Số tiền vay 120.000.000đ; lãi vay theo thỏa thuận; thời hạn vay 70 ngày kể từ ngày làm giấy vay tiền. Sau khi lập giấy vay tiền, chị V đã giao cho chị Q số tiền 120.000.000đ.

Sau khi vay, chị Q có trả lãi được vài tháng, có tháng trả, tháng không, do gia đình chị Q lúc đó khó khăn nên chị V cũng không đòi ngay. Tuy nhiên, sau đó chị Q không trả tiền cho chị. Chị V có nhiều lần sang đòi nhưng chị Q, anh H không trả mà còn thách thức chị V. Sau nhiều lần nói chuyện, chị Q và anh H vẫn không trả tiền. Do đó, chị V khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Đức H phải trả cho chị số tiền gốc là 120.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Đức H trình bày: Năm 2006, do cần tiền để kinh doanh gỗ nên vợ chồng anh chị có vay tiền của chị Nguyễn Thị V 02 lần như sau: Lần thứ nhất, vợ chồng anh chị vay của chị V số tiền 80.000.000đ, lãi suất 2.5%/tháng. Lần thứ hai, vợ chồng anh chị vay của chị V số tiền 30.000.000đ, lãi suất 4.500đ/triệu/ngày.

Sau khi vay từ năm 2006, vợ chồng anh chị vẫn trả lãi cho chị V đầy đủ hàng tháng với lãi suất như đã thỏa thuận. Đến hết năm 2011, vợ chồng anh chị đã trả cho chị V được tổng số tiền là 250.000.000đ. Sau đó gia đình anh chị gặp kinh tế khó khăn nên không trả được nữa, chị V cũng không có ý kiến gì. Đến năm 2012, chị V lợi dụng lúc chị Q không để ý đã sang nhà bảo chị Q ký vào tờ giấy trắng, sau đó điền số tiền như tại giấy đã gửi cho Tòa án. Từ khi ký giấy đó, chị V không nói gì cũng không đòi tiền vợ chồng anh chị nữa. Đến năm 2013, chị V có sang đòi thì gia đình anh chị có thu xếp trả cho chị V thêm 02 lần, một lần 10.000.000đ và một lần 5.000.000đ. Nay, vợ chồng anh chị cho rằng anh chị đã trả cho chị V tổng số tiền cả gốc và lãi là 265.000.000đ, anh chị không còn nợ gì chị V nữa nên không đồng ý trả tiền cho chị V.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm đã áp dụng các Điều 235, 264, 266, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 255, 256, 166, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

Buộc chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đức H phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị V số tiền 120.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/12/2021, anh Nguyễn Đức H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện V kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho anh Nguyễn Đức H; chị Q phải chịu tiền chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Đức H nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Đức H, Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Q trình bày vợ chồng anh chị không vay số tiền 120.000.000đ của chị V, anh Tnhư giấy vay tiền đề ngày 07/12/2011. Thực tế thì năm 2006, vợ chồng anh chị có vay của chị V, anh T02 lần, lần thứ nhất vay 80.000.000đ với lãi suất 2,5%/tháng, lần thứ hai 30.000.000đ với lãi suất 4.500đ/triệu/ngày; tổng số là 110.000.000đ. Sau khi vay tiền, vợ chồng anh chị có trả lãi cho chị V hàng tháng đúng như đã thỏa thuận. Tính đến năm 2013, vợ chồng anh chị đã trả cho chị V được tổng số tiền cả gốc và lãi là 265.000.000đ. Đến nay, anh H và chị Q cho rằng vợ chồng anh chị không còn nợ tiền chị V anh Tnhư. Tuy nhiên, anh H và chị Q không cung cấp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho 02 khoản vay và số tiền đã trả là 265.000.000đ anh chị đã trả cho chị V như lời trình bày trên. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của anh H, chị Q.

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ thể hiện giấy vay tiền đề ngày 07/12/2011 do chị Nguyễn Thị V xuất trình tại Tòa thì ngày 07/12/2011 (tức ngày 12/11 âm lịch), vợ chồng anh Nguyễn Đức H, chị Nguyễn Thị Q vay của chị Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Ngọc T số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận và hẹn trong thời hạn 70 ngày sẽ hoàn trả hết. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, chị Q đều thừa nhận cả phần chữ viết

và chữ ký trong giấy vay tiền đều do chị tự nguyện viết và ký ra, không bị ai ép buộc hay đe dọa. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/4/2022, chị Q cho rằng chị không ký vào giấy vay tiền ngày 07/12/2011, chị đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để giám định chữ viết và chữ ký của chị. Ngày 21/4/2022, Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của chị Nguyễn Thị Q trên giấy vay tiền đề ngày 07/12/2011. Tại kết luận giám định số 544/KL-KTHS ngày 28/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh BN kết luận chữ viết, chữ ký Nguyễn Thị Q dưới mục người vay tiền trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị Q trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M7) là do cùng một người ký, viết ra. Như vậy, có căn cứ xác nhận giao dịch dân sự giữa vợ chồng anh H, chị Q với chị V là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Do vậy, bản án sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh H, chị Q phải có nghĩa vụ trả chị V số tiền 120.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Như vậy, anh H kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào mới để cấp phúc thẩm xem xét nên không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho anh Nguyễn Đức H.

Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 4.000.000 đồng tiền chi phí giám định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 255, Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 163, 166, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V. Buộc anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Q phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị V số tiền 120.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đức H.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004101 ngày 26/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YP.

Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 4.000.000 đồng tiền chi phí giám định (xác nhận chị Q đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện YP;
- Chi cục THADS huyện YP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính